

Số: 68/2026/QĐ-UBND

Huế, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định

một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Huế trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế quy định hạn mức đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn thành phố Huế

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để xây dựng tượng đài, bia và tháp thuộc cơ sở tôn giáo, cơ sở đào tạo tôn giáo và các công trình tôn giáo hợp pháp khác thì căn cứ quỹ đất tại địa phương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch thành phố được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Xây dựng; Giám đốc Công an thành phố; Trưởng ban Ban Dân tộc Tôn giáo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế quy định về việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn thành phố Huế

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) để rà soát và lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt (theo mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Quyết định này)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã nơi có đất có trách nhiệm lập biên bản kết thúc việc niêm yết danh mục, trả lời các ý kiến (nếu có) bằng văn bản và tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh mục. Nội dung báo cáo, bao gồm: danh mục; thời gian, hình thức; ý kiến của người dân; các đề xuất, kiến nghị (nếu có)”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phê duyệt công bố công khai danh mục (theo mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Quyết định này) để người sử dụng đất biết và đăng ký nhu cầu sử dụng đất.”

4. Bãi bỏ điểm a khoản 3 Điều 7.

Điều 3. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở cho cá nhân, người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).

“Điều 6a. Xác định diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao, đất thổ cư đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 141 Luật số 31/2024/QH15

1. Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà trên Giấy chứng nhận đã được cấp có ghi mục đích sử dụng là "đất ở và đất vườn" hoặc "đất ở + vườn" hoặc "đất thổ cư + đất vườn" hoặc "đất thổ cư và đất vườn" hoặc "đất thổ cư" hoặc "đất vườn ở" hoặc "đất ở; đất vườn", thời gian sử dụng là "lâu dài" thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 83/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9

năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở cho cá nhân, người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế); người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích được xác định lại là đất ở.

Trường hợp người sử dụng đất đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất một phần diện tích đất ở của thửa đất hoặc Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất ở của thửa đất thì khi xác định lại diện tích đất ở phải trừ đi phần diện tích đất ở đã chuyển quyền sử dụng đất hoặc thu hồi. Người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức công nhận đất ở.

2. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Điều này đã được xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận hoặc trường hợp người nhận chuyển quyền sử dụng toàn bộ thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận mới từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau nhưng trên Giấy chứng nhận chưa xác định cụ thể diện tích đất ở thì thực hiện xác định diện tích đất ở theo quy định tại Điều này.

3. Trường hợp người nhận chuyển quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận mới và được xác định cụ thể diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận thì không xác định diện tích đất ở theo quy định tại Điều này”.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ; Giám đốc Công an thành phố Huế; Trưởng ban Ban Dân tộc Tôn giáo; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- HĐND; TT HĐND thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: LĐ và CV: NC, NB, TH, NN;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu VT, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Văn Tuấn